TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2018/DS-PT
Ngày: 26-7-2018
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Bình.

Các Thẩm phán: Ông Phan Tiến Dũng

Ông Đặng Ngọc Ba.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai: Ông Đoàn Thanh Lương - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 7 năm 2018, tại Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2018/TLPT-DS ngày 23 tháng 01 năm 2018 về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 57/2017/DS-ST ngày 13 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 27/2018/QĐ-PT ngày 12 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Anh Võ Quang T; địa chỉ: Tổ 11, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Anh Võ Quang T ủy quyền cho chị Nguyễn Thị Thu T1 (địa chỉ: Đường L, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai) tham gia tố tụng theo giấy ủy quyền đề ngày 01-2-2018. Chị T1 có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Ngọc H và bà Hà Thị Ngọc Đ; cùng địa chỉ: Đường L1, tổ 5, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Ông Nguyễn Ngọc H ủy quyền cho bà Hà Thị Ngọc Đ tham gia tố tụng theo giấy ủy quyền đề ngày 20-3-2018. Bà Đ có mặt.

3. *Người kháng cáo:* Bị đơn là ông Nguyễn Ngọc H và bà Hà Thị Ngọc Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là anh Võ Quang T và người đại diện theo ủy quyền là chị Nguyễn Thị Thu T1 trình bày:

Do có quan hệ quen biết với bạn của bà T1, nên tính đến ngày 24-11-2014, anh Võ Quang T cho bà Hà Thị Ngọc Đ và chồng là ông Nguyễn Ngọc H vay số tiền 40.000.000 đồng để tưới hoa lan. Khi vay tiền thì ông H và bà Đ có viết giấy mượn tiền cho anh T, hai bên có thỏa thuận bằng miệng lãi suất là 1,5%/tháng và hẹn sau 01 tháng sẽ trả cả gốc và lãi. Đến hạn trả nợ, anh có đòi nhiều lần nhưng ông H và bà Đ liên tục xin khất nợ, chưa trả cho anh tiền gốc và tiền lãi. Hiện ông H và bà Đ cố tình trốn tránh, không có ý thức trả nợ cho anh như cam kết.

Nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Ngọc H và bà Hà Thị Ngọc Đ trả cho anh số tiền 40.000.000 đồng tiền gốc và nợ lãi theo mức lãi cơ bản của Ngân hàng Nhà nước là 0,75%/tháng kể từ ngày vay tiền (24-11-2014) cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Ngọc H và bà Hà Thị Ngọc Đ: Trong quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn sơ thẩm, Toà án cấp sơ thẩm đã tiến hành đầy đủ các thủ tục để triệu tập hợp lệ đối với ông Nguyễn Ngọc H và bà Hà Thị Ngọc Đ. Tuy nhiên, ông Nguyễn Ngọc H không đến Toà án để tham gia tố tụng; bà Hà Thị Ngọc Đ có đến tham gia tố tụng nhưng không thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cả ông Nguyễn Ngọc H và bà Hà Thị Ngọc Đ không đến tham gia phiên hòa giải, cũng như phiên tòa sơ thẩm. Do vậy, tại giai đoạn sơ thẩm, ông Nguyễn Ngọc H và bà Hà Thị Ngọc Đ không có lời khai về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 57/2017/DS-ST ngày 13 tháng 12 năm 2017, Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Áp dụng các Điều 280, 281, 290, 471 Bộ luật dân sự năm 2005; các Điều 466, khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án; xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Võ Quang T về việc buộc ông Nguyễn Ngọc H và bà Hà Thị Ngọc Đ trả nợ vay. Buộc ông Nguyễn Ngọc H và bà Hà Thị Ngọc Đ phải trả cho anh Võ Quang T 51.150.000 đồng (trong đó nợ gốc là 40.000.000 đồng, nợ lãi là 11.150.000 đồng).

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên quyết định về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm, nghĩa vụ chịu khoản lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền; thông báo quyền yêu cầu, tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án và thời hiệu thi hành án; tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 04 tháng 01 năm 2018, bị đơn là ông Nguyễn Ngọc H và bà Hà Thị Ngọc Đ có kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn giữ nguyên kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Võ Quang T khởi kiện và cung cấp cho Tòa án "Giấy mượn tiền" đề ngày 24-11-2014. Tài liệu này có nội dung thể hiện ngày 24-11-2014 ông Nguyễn Ngọc H và bà Hà Thị Ngọc Đ vay của anh Võ Quang T tổng cộng 40.000.000 đồng.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Đ khai rằng việc bà viết "Giấy mượn tiền" đề ngày 24-11-2014 xuất phát từ việc trước đây bà có vay của chị Nguyễn Thị Thu T1(là người đại diện theo ủy quyền của anh Võ Quang T) 40.000.000 đồng với lãi suất là 15%/tháng, có khi lên đến 30%/tháng, sau đó một thời gian bà không trả được lãi cho chị T1 nên ngày 23-8-2014 chị T1 buộc bà phải viết giấy mượn tiền có nội dung bà và ông H vay của chị T1 60.000.000 đồng. Do việc làm ăn của bà gặp khó khăn, nên từ ngày 23-8-2014 đến ngày 24-11-2014 bà không thể trả lãi cho chị T1 đối với 60.000.000 đồng nói trên. Chị T1 gọi bà lên nhà chị T1 và nói rằng nếu bà không có tiền đóng lãi cho chị T1 thì bà phải vay tiền của anh Võ Quang T với lãi suất 30%/tháng để trả lãi cho khoản vay của chị T1; đồng thời chị T1 ép bà viết "Giấy mượn tiền" đề ngày 24-11-2014 chứ thực tế bà không vay tiền của anh T theo giấy mượn tiền này. Theo bà, từ ngày vay tiền của chị T1, bà đã trả tiền lãi cho chị T1 rất nhiều, hơn nữa chị T1 và anh T thực chất là một. Do đó, bà không đồng ý trả tiền cho anh T. Để chứng minh cho lời khai của mình là có căn cứ, bà Đ cung cấp cho Tòa án 01 bản photo "Giấy mượn tiền" đề ngày 23-8-2014 có nội dung thể hiện ngày 23-8-2014 ông Nguyễn Ngọc H, bà Hà Thị Ngọc Đ có vay của chị T1 60.000.000 đồng.

Thấy rằng, tại "Giấy mượn tiền" đề ngày 24-11-2014 thể hiện bên cho vay là anh Võ Quang T, còn tại bản photo "Giấy mượn tiền" đề ngày 23-8-2014 do bà Đ cung cấp thể hiện bên cho vay là "em Thảo" (không ghi rõ họ tên); hai giấy mượn tiền không thể hiện nội dung liên quan đến nhau như lời khai của bà Đ. Mặt khác, anh T và chị T1 cũng không thừa nhận sự việc như Bà Đ trình bày. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận các lời khai nói trên của bà Đ.

[3] Xem xét "Giấy mượn tiền" đề ngày 24-11-2014 do nguyên đơn cung cấp thì thấy rằng tại giấy mượn tiền này không thể hiện thời hạn vay và lãi suất.

Anh T khai rằng mặc dù tại giấy mượn tiền không thể hiện về mức lãi nhưng các bên có thỏa thuận miệng với nhau về lãi suất vay là 1,5%/tháng. Tại phiên tòa hôm nay, bà Đ cho rằng lãi suất vay là 15%/tháng.

Như vậy, giao dịch của các bên theo "Giấy mượn tiền" đề ngày 24-11-2014 là hợp đồng vay tiền không kỳ hạn, có lãi. Do các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất nên lãi suất trong trường hợp này được xác định là 0,83%/tháng (theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015). Tại phiên tòa sơ thẩm, anh T chỉ yêu cầu tính lãi với mức lãi là 0,75%/tháng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Do ông H, bà Đ không chứng minh được đã trả gốc và lãi cho nguyên đơn, nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông H, Bà Đ phải trả cho nguyên đơn 40.000.000 đồng nợ gốc và 11.150.000 đồng nợ lãi (với mức lãi là 0,75%/tháng tính từ ngày 24-11-2014) có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Đối với ý kiến của Bà Đ về việc bà không nhận được giấy triệu tập của Tòa án để tham gia phiên tòa sơ thẩm: Do ông H, bà Đ không có mặt tại nơi cư trú nên Tòa án cấp sơ thẩm đã niêm yết công khai các văn bản tố tụng để ông H, bà Đ biết và thực hiện quyền nghĩa vụ của mình, nhưng ông H, bà Đ vẫn vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Vì vậy, ý kiến này của bà Đ là không có cơ sở.

[5] Ông H, bà Đ kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ gì chứng minh kháng cáo của mình là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là ông Nguyễn Ngọc H và bà Hà Thị Ngọc Đ. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 57/2017/DS-ST ngày 13 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai như sau:

Căn cứ các Điều 280, 281, 290, 471 Bộ luật dân sự năm 2005; các Điều 466, khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Võ Quang T về việc buộc ông Nguyễn Ngọc H và bà Hà Thị Ngọc Đ trả nợ vay. Buộc ông Nguyễn Ngọc H và bà Hà Thị Ngọc Đ phải trả cho anh Võ Quang T 51.150.000 đồng (trong đó nợ gốc là 40.000.000 đồng, nợ lãi là 11.150.000 đồng).

Kể từ người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Ngọc H và bà Hà Thị Ngọc Đ phải chịu 2.557.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Anh Võ Quang T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho anh Võ Quang T 1.465.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003338 ngày 22-6-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai.

2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Nguyễn Ngọc H, bà Hà Thị Ngọc Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0003134 ngày 09-1-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai; ông H, Bà Đ đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Gia Lai;*
- *TAND thành phố P;*
- *Chi cục THADS thành phố P;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án, TDS, VT.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Văn Bình